

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 145/2004/QĐ-TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2004

QUYẾT ĐỊNH

Về phương hướng chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội
vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 7349/BKH-CLPT, ngày 01 tháng 12 năm 2003,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương hướng chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm (KTTĐ) Bắc bộ đến 2010 và tầm nhìn đến 2020 thực hiện đối với 8 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, bao gồm: Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Hà Tây, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế về vị trí địa lý, hệ thống kết cấu hạ tầng để đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế- xã hội Vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ một cách có hiệu quả và bền vững; đi đầu trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, luôn giữ vai trò đầu tàu đối với cả Vùng Bắc bộ và cả nước trong quá trình thúc đẩy, hỗ trợ các vùng khác, nhất là các vùng khó khăn, cùng phát triển. Đi đầu về hợp tác quốc tế, về thu hút đầu tư nước ngoài, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế- xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ môi trường.

Điều 2. Những mục tiêu phát triển chủ yếu:

1. Phần đầu đạt tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm giai đoạn 2006-2010 bằng khoảng 1,3 lần, và giai đoạn 2011-2020 khoảng 1,25 lần mức tăng trưởng bình quân chung của cả nước. Tăng tỷ trọng đóng góp trong GDP của cả nước từ 21% năm 2005 lên khoảng 23-24% vào năm 2010 và khoảng 28-29% vào năm 2020.
2. Tăng giá trị xuất khẩu bình quân đầu người/năm từ 447 đô la Mỹ năm 2005 lên 1200 đô la Mỹ năm 2010 và 9200 đô la Mỹ năm 2020.
3. Tăng mức đóng góp của Vùng trong thu ngân sách của cả nước từ 23% năm 2005 lên 26% năm 2010 và 29% năm 2020.
4. Đẩy nhanh tốc độ đổi mới công nghệ đạt bình quân 20-25%/năm, đi đầu trong tiến trình hiện đại hoá, có tỷ lệ công nghệ tiên tiến đạt khoảng 45%. Đưa tỷ lệ lao động qua đào tạo khoảng 55% vào năm 2010.
5. Giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn 1,5% năm 2010 và dưới 0,5% năm 2020 và giảm tỷ lệ lao động không có việc làm đến 2010 xuống khoảng 6,5% và tiếp tục kiểm soát ở mức an toàn cho phép là 4%. Đến năm 2010 đảm bảo tỷ lệ 100% dân số thành thị được dùng nước máy; khoảng 90-95% dân số nông thôn sử dụng nước sạch; 100% số hộ gia đình nông thôn có hố xí hợp vệ sinh; nhân dân đi lại dễ dàng và được chăm sóc sức khỏe tốt, được đi học và có học vấn cao hơn.
6. Giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên xuống 1% vào năm 2010 và xuống dưới 0,8% vào năm 2020. Kiểm soát tăng dân số trung bình (bao gồm cả tác động di dân cơ học) ở mức không vượt quá 1,5%. Bảo đảm kỷ cương, trật tự an toàn xã hội, giữ vững an ninh quốc phòng; bảo đảm bền vững môi trường cả ở đô thị và nông thôn trong vùng.

Điều 3. Nhiệm vụ và các giải pháp phát triển các ngành và lĩnh vực then chốt.

1. Phương hướng mới có tính đột phá.

- Phát triển các ngành kỹ thuật cao, dịch vụ chất lượng cao như: công nghiệp phần mềm, thiết bị tin học, tự động hóa và các sản phẩm nghiên cứu khoa học thành ngành công nghiệp mũi nhọn; sản xuất các thiết bị tự động hoá, rô bốt, sản xuất vật liệu mới, thép chất lượng cao; phát triển các ngành công nghiệp đóng tàu, cơ khí chế tạo.

- Khẩn trương xây dựng và phát triển các ngành công nghiệp bổ trợ mà Vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ có lợi thế cạnh tranh để tăng giá trị gia tăng của sản phẩm, tăng sức cạnh tranh và hiệu quả trong hội nhập; các ngành cơ khí chế tạo thiết bị và phụ tùng như các thiết bị cho sản xuất ô tô, xe máy, sản xuất thiết bị điện và linh kiện điện tử, sản xuất động cơ nổ, động cơ điện (nhất là động cơ điện có công suất lớn)...
- Xây dựng khu kinh tế tổng hợp thuộc huyện đảo Vân Đồn (Quảng Ninh), du lịch sinh thái biển chất lượng cao và nuôi trồng gắn với chế biến đặc hải sản.
- Xây dựng mới khu sinh dưỡng công nghiệp (nghiên cứu cải tiến kỹ thuật, công nghệ cho các xí nghiệp công nghiệp) đặt tại Vĩnh Phúc.
- Xây dựng trung tâm đào tạo nghề trình độ cao cho cả Vùng đặt tại Vĩnh Phúc.
- Xây dựng trung tâm đào tạo chất lượng cao và nghiên cứu xây dựng trường Đại học thực hành đa ngành chất lượng cao đặt tại Hưng Yên theo mô hình gắn đào tạo với nhà máy của các khu công nghiệp theo hướng có cổ phần trong cơ sở đào tạo, hỗ trợ thiết bị, cán bộ kỹ thuật đào tạo theo yêu cầu của cả một dây chuyền hoàn chỉnh...
- Xây dựng trung tâm y tế chất lượng cao cho cả Vùng dự kiến đặt tại Hà Tây và Hải Dương.
- Xây dựng tổng kho trung chuyển đặt tại tỉnh Hải Dương.
- Xây dựng mới các tuyến đường cao tốc: Hà Nội- Hải Phòng (theo hướng đường 5 lệch về Nam đồng bằng sông Hồng); Nội Bài - Hạ Long - Móng Cái; Hà Nội - Ninh Bình; Láng - Hoà Lạc- Trung Hà; Hà Nội - Việt Trì; Hà Nội - Thái Nguyên.
- Xây dựng mới tuyến đường sắt từ Yên Viên, thành phố Hà Nội đến Phả Lại và thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; đường sắt nối cảng Hải Phòng với cảng Đình Vũ, thành phố Hải Phòng.
- Nghiên cứu xây dựng cảng nước sâu mới tại Hải Phòng (nếu điều kiện kỹ thuật cho phép).
- Xây dựng đường xe điện ngầm, đường sắt nội đô Hà Nội và nối đường sắt Hà Nội - Hoà Lạc.

2. Định hướng điều chỉnh quy hoạch.

Chuyển dịch nhanh hơn cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa tạo ra các sản phẩm mũi nhọn, gắn với thị trường và tăng sức cạnh tranh. Dự kiến đến năm 2010 tỷ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ trong GDP khoảng 94-95% và đến năm 2020 đạt khoảng 96-97%. Tăng tỷ trọng lao động làm việc trong lĩnh vực phi nông nghiệp; tăng số việc làm có năng suất cao và tiêu hao ít năng lượng; sử dụng đất có hiệu quả... trên cơ sở phát triển các ngành công nghệ cao và sản xuất các sản phẩm có hàm lượng chất xám cao.

2.1. Về phát triển công nghiệp.

Cơ cấu sản phẩm chủ lực là các sản phẩm giá trị lớn, chứa hàm lượng chất xám cao như kỹ thuật phần mềm, phần cứng, kỹ thuật điện, điện tử, sản xuất thiết bị máy móc, đóng và sửa chữa tàu thủy, sản xuất thép (các sản phẩm thép hợp kim, thép tấm, thép lá, thép hình cỡ lớn, thép có cường độ cao dùng trong cấu kiện bê tông dự ứng lực, thép chế tạo), than, xi măng, vật liệu xây dựng cao cấp, chế biến nông, lâm, thủy sản, lương thực, thực phẩm, dệt, da, may... Đồng thời, phát huy thế mạnh của Vùng phát triển mạnh công nghiệp hỗ trợ nhằm nâng cao giá trị các sản phẩm; phát triển sản phẩm mới đi ngay vào công nghệ hiện đại đi đôi với bảo vệ môi trường; phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản.

Đặc biệt quan tâm đến phát triển tiểu thủ công nghiệp, xây dựng các mô hình phát triển bền vững; các làng nghề truyền thống và làng có nghề theo hướng phát triển sản phẩm cho xuất khẩu, coi đây là thế mạnh đặc thù của Vùng.

Chuyển dịch dần công nghiệp lên dọc tuyến hành lang đường 18 và hành lang đường 21 tại những khu vực gò đồi, đất xấu để giảm sử dụng đất tốt dành cho sản xuất nông nghiệp và tránh sự tập trung công nghiệp quá mức vào các đô thị, khu dân cư ở vùng đồng bằng. Tuy nhiên, cũng cần tính đến phát triển công nghiệp sạch ở các tỉnh trong vùng đảm bảo cơ cấu kinh tế phát triển có hiệu quả.

2.2. Về dịch vụ, tập trung phát triển các ngành dịch vụ một cách toàn diện, đặc biệt là các ngành dịch vụ chất lượng cao, trình độ cao trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, thương mại, du lịch, khoa học- công nghệ, viễn thông, vận tải hàng không, vận tải

hàng hải; phát triển thị trường bất động sản, thị trường vốn, thị trường chứng khoán; phát huy có hiệu quả các tổ chức tài chính, đào tạo và dịch vụ y tế chất lượng cao. Xây dựng các trung tâm về dịch vụ khoa học-công nghệ, văn hoá- xã hội, y tế... có tầm cỡ quốc gia, khu vực và quốc tế.

Tiếp tục thúc đẩy vai trò trung tâm thương mại và giao dịch quốc tế của Thủ đô Hà Nội, Hải Phòng và Quảng Ninh để đảm nhận chức năng dịch vụ thương mại và trung tâm du lịch của cả khu vực phía Bắc và cả nước.

Phát triển dịch vụ vận tải công cộng (xe buýt và xe điện) từ Hà Nội đi các tỉnh (có bán kính khoảng 60 km) để tăng cường liên kết, giao lưu giữa các tỉnh, thành phố.

2.3. Về nông, lâm, thủy sản.

Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa có năng suất, chất lượng cao, tạo nhiều giá trị trên mỗi đơn vị diện tích đất nông lâm nghiệp, phục vụ trực tiếp và chủ yếu cho nhu cầu tiêu dùng ở các đô thị và khu công nghiệp trong vùng và cho xuất khẩu. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ bảo quản và chế biến sau thu hoạch. Hình thành các vùng sản xuất hàng hóa quanh các đô thị. Đặc biệt chú trọng phát triển nông nghiệp sạch, gắn phát triển nông nghiệp với việc xây dựng nông thôn mới trên cơ sở phát triển công nghiệp chế biến và phát triển kinh tế trang trại hộ gia đình. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đầu tư các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung sản xuất hàng hóa chất lượng cao; đẩy mạnh phát triển nuôi trồng hải sản biển đi đôi với việc xây dựng khu bảo tồn biển.

Phát triển rừng nguyên liệu, đặc biệt rừng nguyên liệu gỗ trụ mỏ, vùng rừng ngập mặn ven biển. Hướng vào khai thác có hiệu quả vùng đồi, hình thành các khu rừng ven biển, bảo tồn danh thắng và các vườn rừng quốc gia. Phát triển mạnh cây xanh trong các đô thị, trong các khu công nghiệp.

Ưu tiên đầu tư các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung sản xuất hàng hóa chất lượng cao tại các tỉnh trong Vùng; đẩy mạnh phát triển nuôi hải sản biển đi đôi với việc xây dựng khu bảo tàng biển. Kết hợp kinh tế biển và ven bờ theo hướng phát triển cả